

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

CTCP Vải sợi May mặc Miền Bắc

Ngày 15/01/2024	29,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	0%	0%

DT thuần
Q4/23

5.88
tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.83 | -12.4%
YoY: ▲ 0.13 | 2.3%

LN thuần
Q4/23

5.32
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.56 | 202%
YoY: ▲ 2.00 | 60.1%

LN sau thuế
Q4/23

4.15
tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.83 | 215%
YoY: ▲ 1.62 | 64.1%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023

64.5%

YoY: +/- ▲ 10.1%

ROE
2023

10.7%

YoY: +/- ▲ 1.6%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	27,048 - 29,694
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	168
Số lượng CPLH (CP)	5,702,940
KLGD BQ 20 phiên (CP)	
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	-
EPS	2,113
P/E	13.9

DT thuần
2023

24.0
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.00 | 4.3%

LN thuần
2023

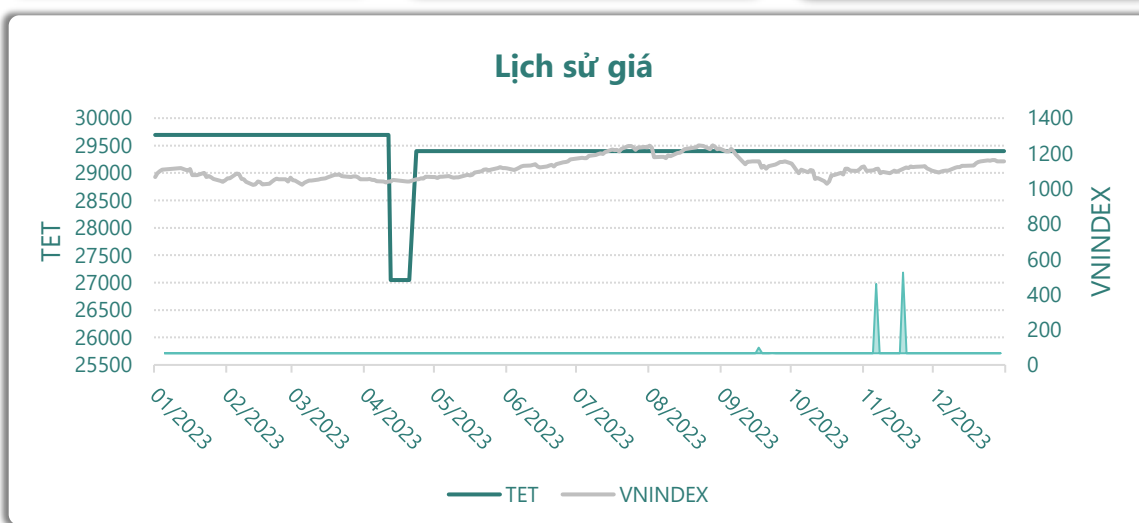
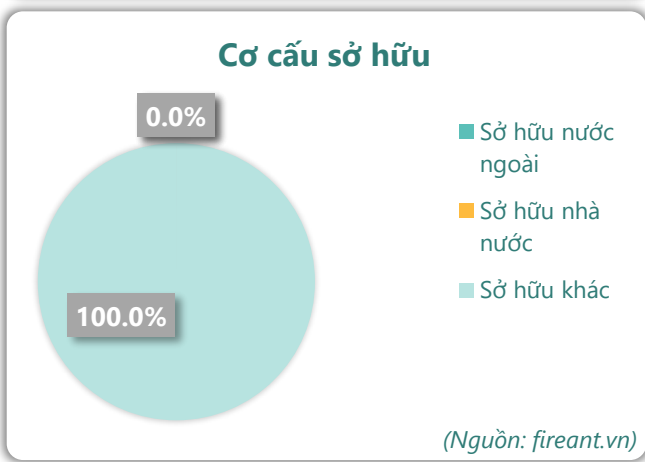
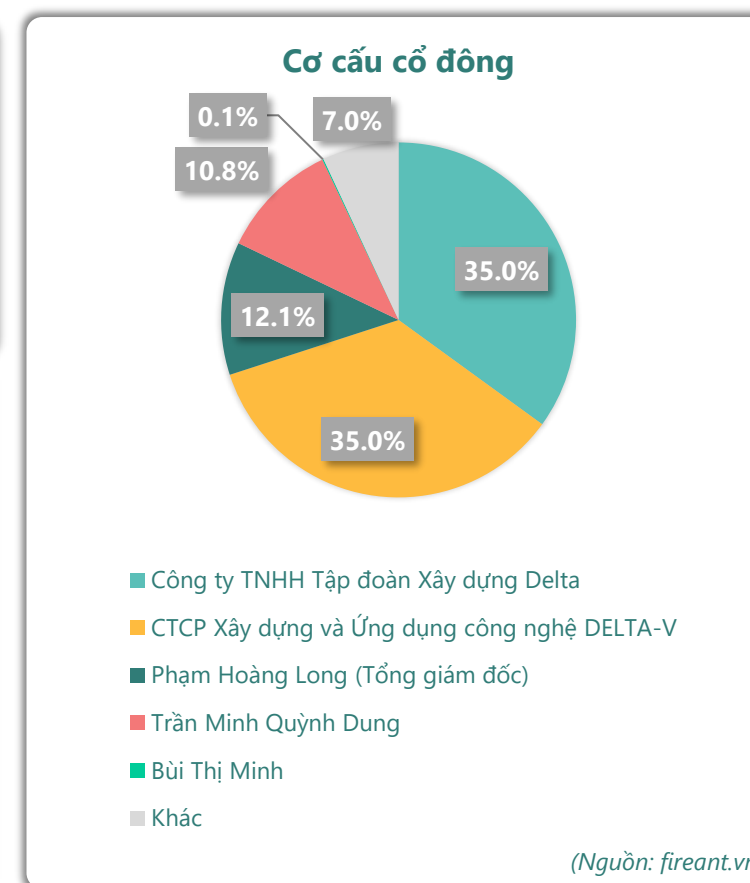
14.1
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1.40 | 10.9%

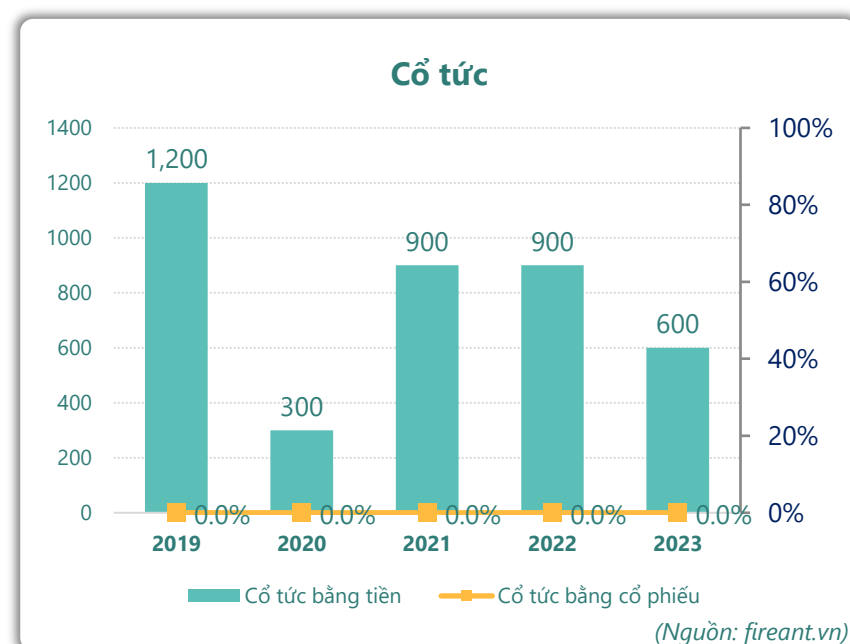
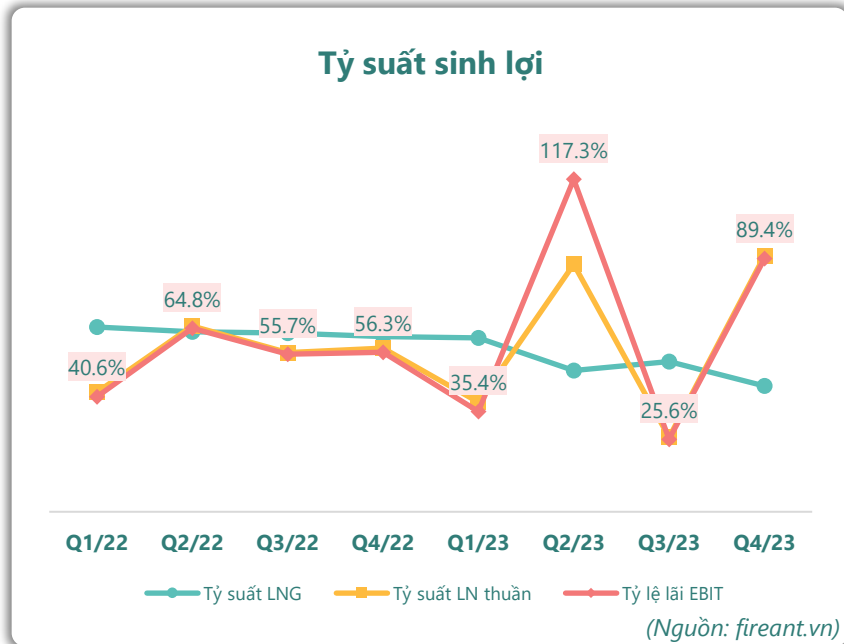
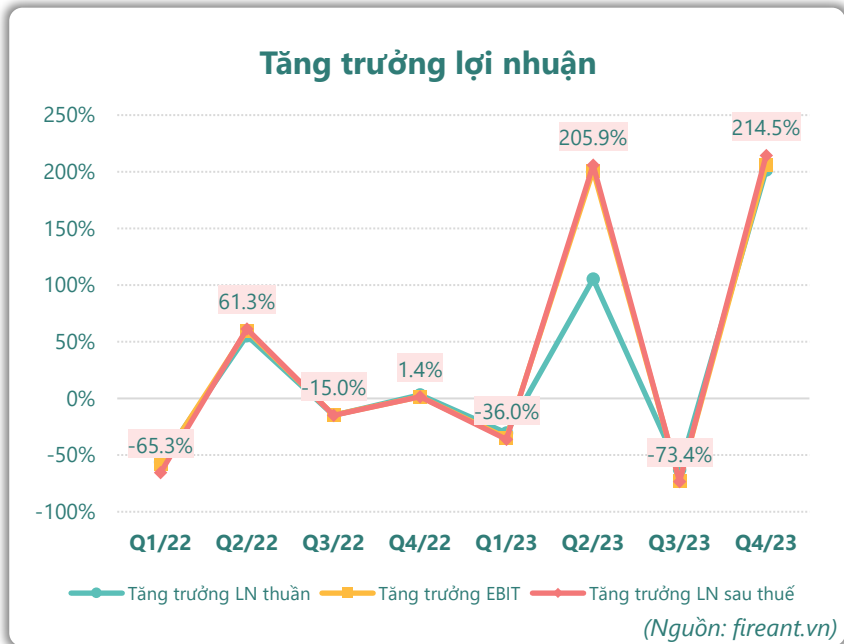
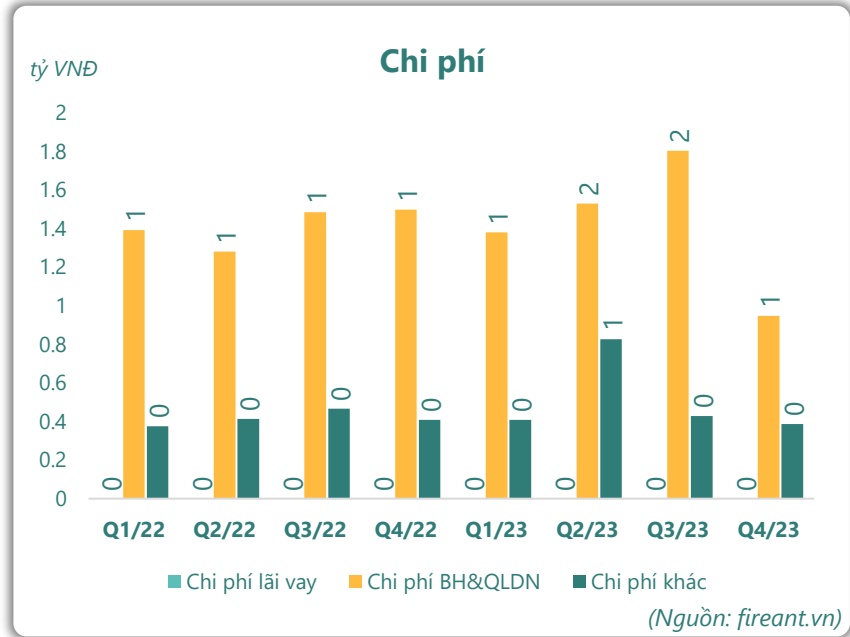
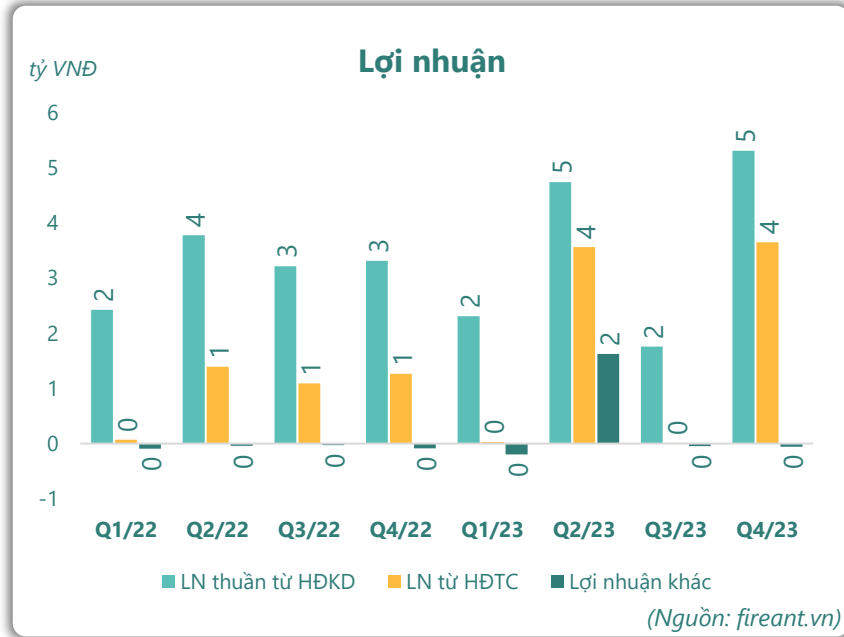
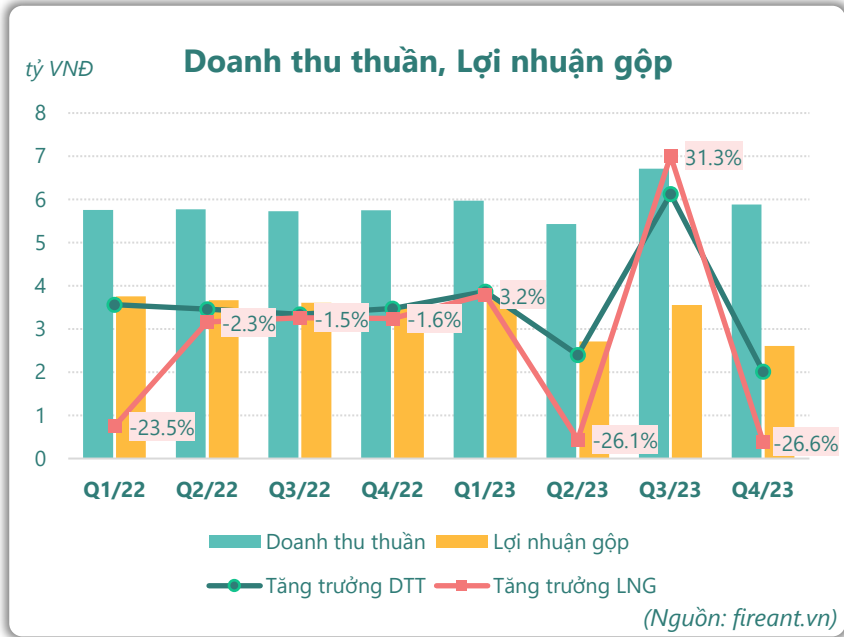
LN sau thuế
2023

12.0
tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2.24 | 23.5%



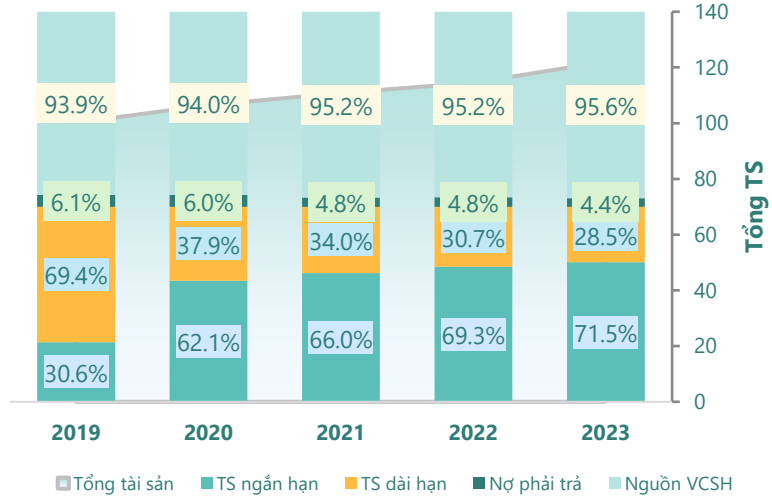
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

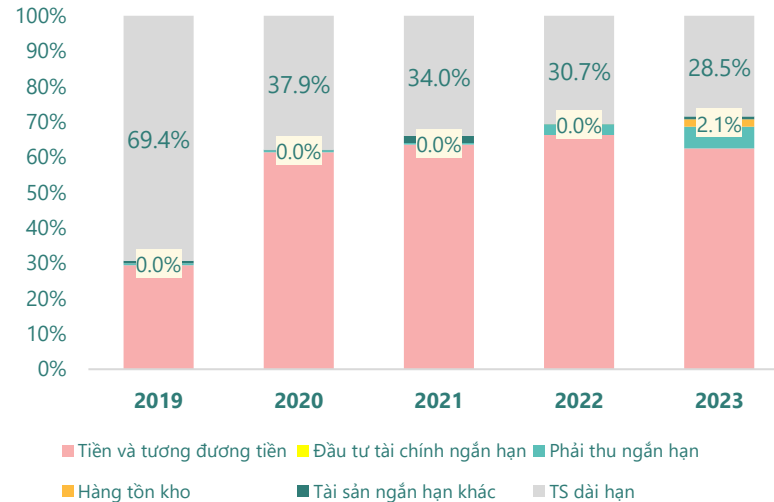
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

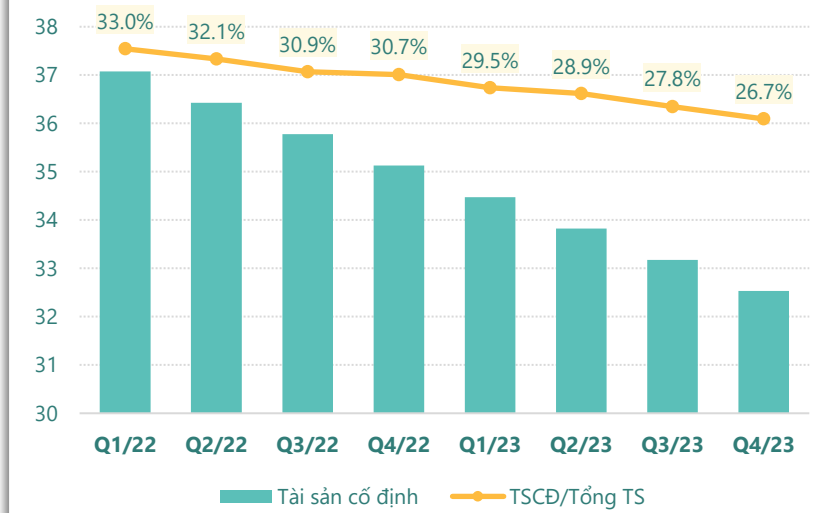
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

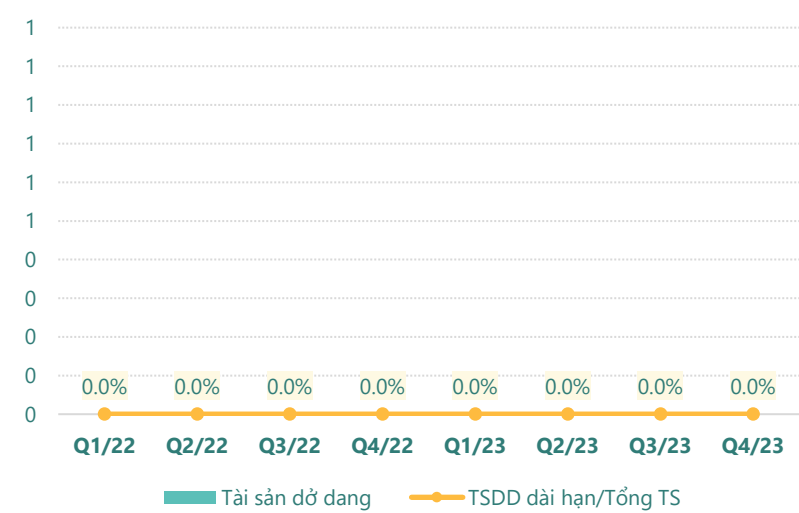
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

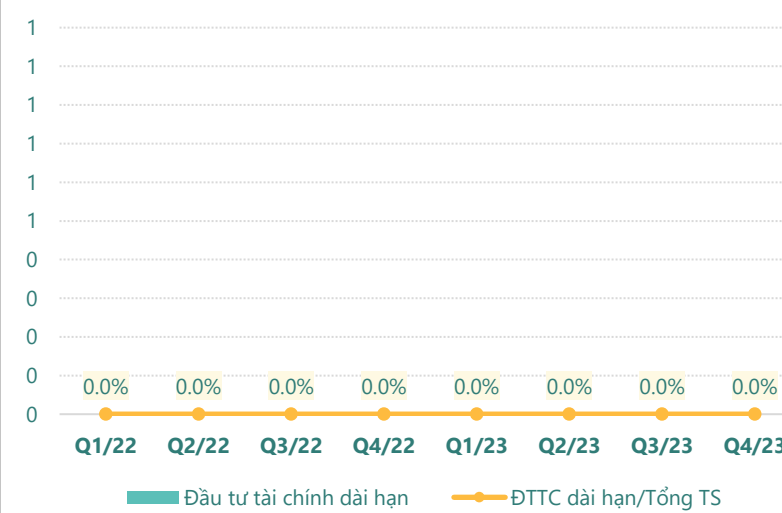
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

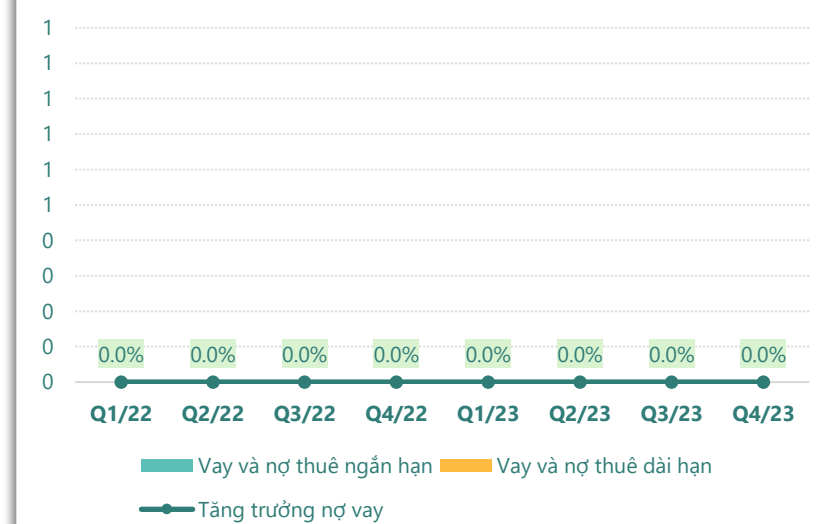
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

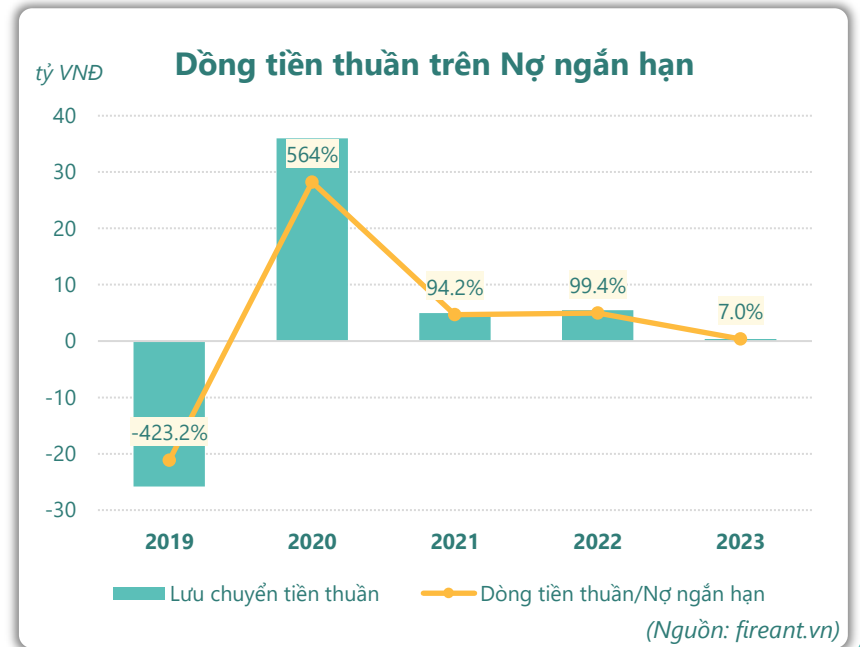
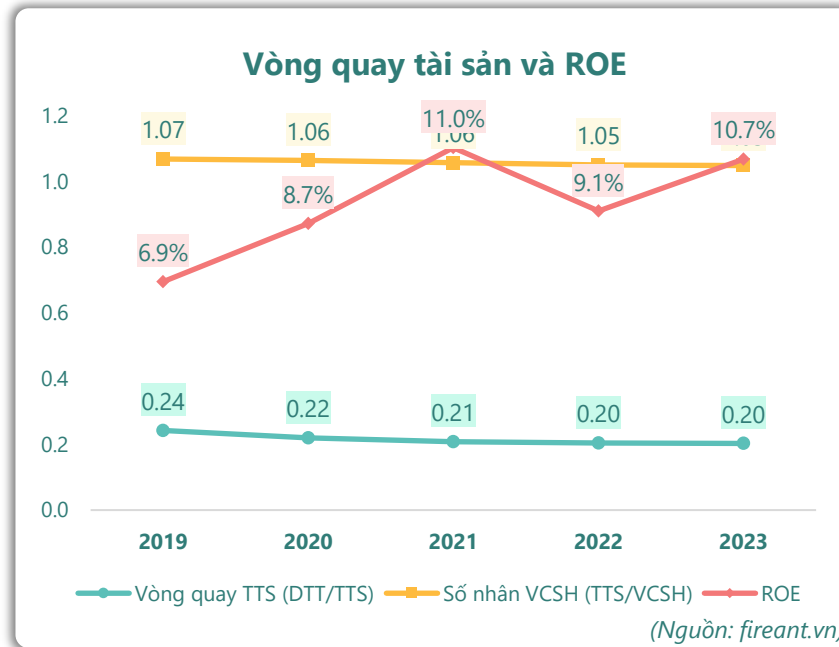
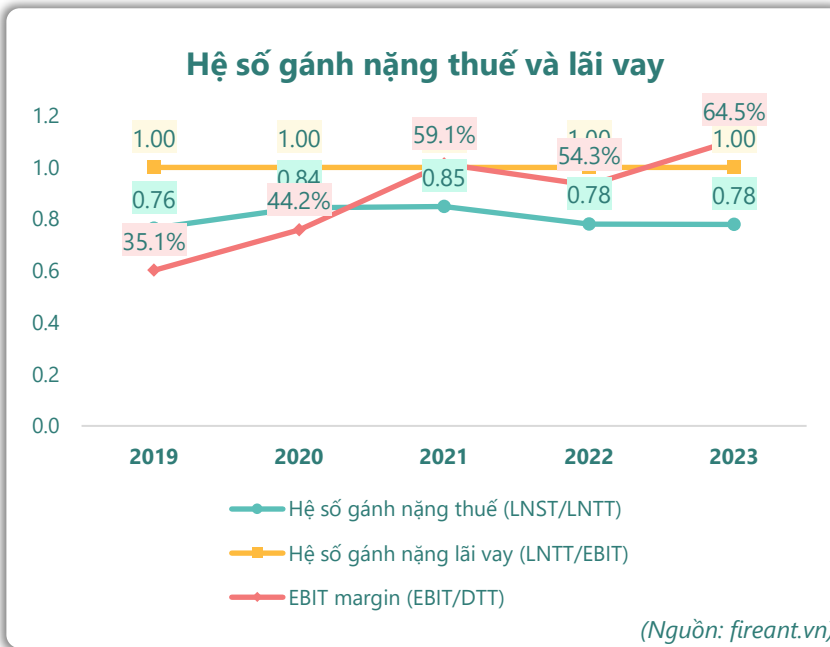
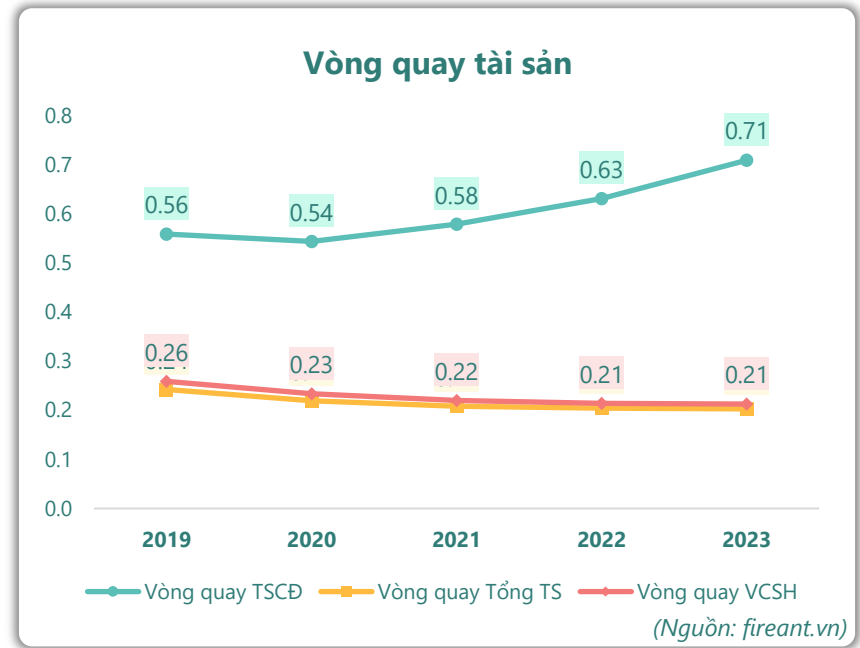
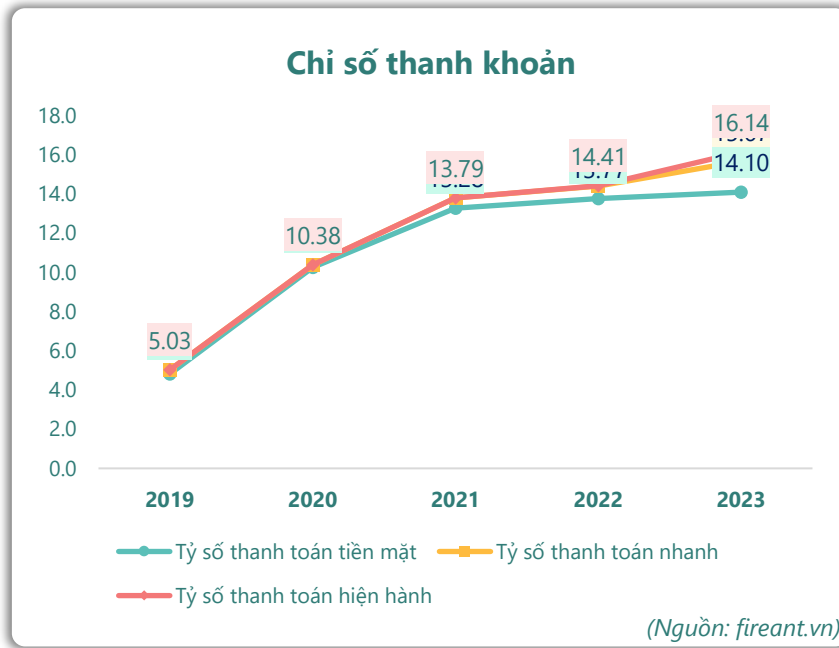
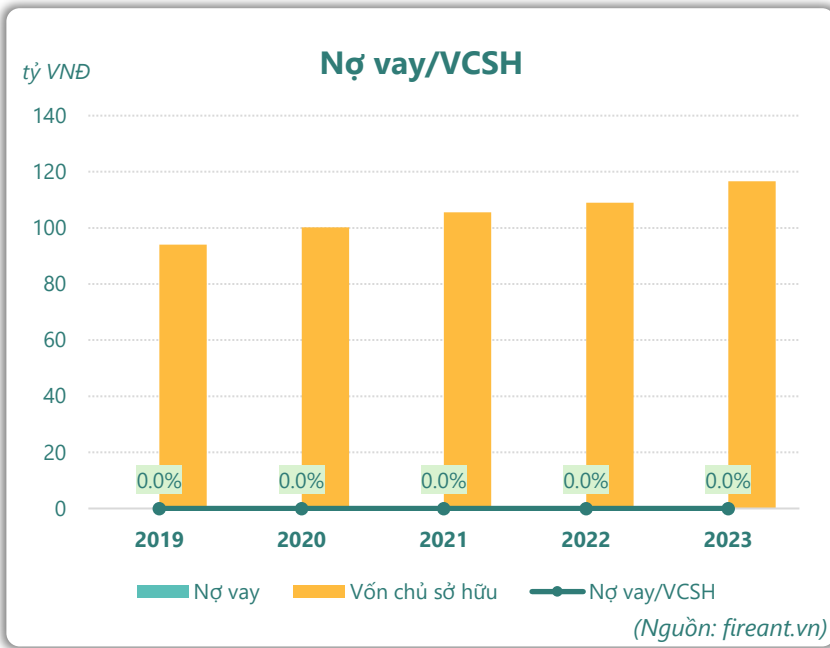
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	5.88	5.75	2.3%	24.0	23.0	4.3%
Giá vốn hàng bán	3.27	2.20	48.7%	11.5	8.40	36.3%
Lợi nhuận gộp	2.61	3.55	-26.5%	12.5	14.6	-14.1%
Doanh thu HĐTC	3.66	1.27	188%	7.26	3.83	89.8%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	0.95	1.50	-36.8%	5.66	5.67	-0.2%
LN thuần từ HĐKD	5.32	3.32	60.1%	14.1	12.7	10.9%
Lợi nhuận khác	-0.06	-0.08	26.0%	1.33	-0.25	631%
LN trước thuế	5.26	3.24	62.3%	15.5	12.5	23.7%
Lợi nhuận sau thuế	4.15	2.53	64.1%	12.0	9.76	23.5%
LNST của CĐ cty mẹ	4.15	2.53	64.1%	12.0	9.76	23.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.55	1.72	4.23	-4.91	3.13	-2.13
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.19	55.1	-55.0	3.33	0.03	55.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-3.37	0	-3.42	0.00	0.00
Tiền đầu kỳ	19.0	22.4	75.9	25.1	20.1	23.3
Lưu chuyển tiền thuần	3.36	53.5	-50.7	-5.00	3.15	53.0
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	22.4	75.9	25.1	20.1	23.3	76.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	122	115	6.6%
Tài sản ngắn hạn	87.3	79.4	10.0%
Tiền và tương đương tiền	76.2	75.9	0.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	7.53	3.51	114%
Hàng tồn kho	2.53	0.01	17549%
Tài sản ngắn hạn khác	1.00	0	
Tài sản dài hạn	34.8	35.1	-1.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	32.5	35.1	-7.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	2.24	0	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5.41	5.51	-1.8%
Nợ ngắn hạn	5.41	5.51	-1.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.01	0.06	-80.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	117	109	7.0%
Vốn chủ sở hữu	117	109	7.0%
Vốn điều lệ	57.0	57.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)